

**HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**  
**KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH 1**

---



**BÀI GIẢNG**  
**PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG**

**BIÊN SOẠN: TH.S TRẦN ĐOÀN HẠNH**

**Hà Nội, 12-2019**

LỜI NÓI ĐẦU .....	1
CHƯƠNG 1 : NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT .....	3
1.1 Những vấn đề cơ bản về Nhà nước.....	3
1.1.1 Nguồn gốc của Nhà nước.....	3
1.1.2 Bản chất của Nhà nước .....	6
1.1.3 Các kiểu nhà nước.....	8
1.1.4 Hình thức nhà nước.....	10
1.1.5 Chức năng của Nhà nước .....	12
1.1.6 Nhà nước cộng hoà XHCN Việt Nam .....	13
1.2 Những vấn đề cơ bản về pháp luật.....	23
1.2.1. Nguồn gốc, bản chất và các thuộc tính của pháp luật.....	23
1.2.2 Các chức năng của pháp luật .....	25
1.2.3 Các kiểu pháp luật.....	26
1.2.4 Nguồn gốc, bản chất và vai trò của pháp luật Việt Nam .....	27
Câu hỏi ôn tập và tài liệu tham khảo chương	
1.....	25
CHƯƠNG 2: QUY PHẠM PHÁP LUẬT,VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, QUAN	
HỆ PHÁP LUẬT, PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA .....	33
2.1 Quy phạm pháp luật .....	33
2.1.1 Khái niệm.....	33
2.1.2 Cấu trúc.....	33
2.2 Văn bản quy phạm pháp luật .....	34
2.2.1 Khái niệm và đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật.....	34
2.2.2 Phân loại văn bản quy phạm pháp luật .....	35
2.2.3 Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.....	36
2.2.4 Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật.....	36
2.2.5. Áp dụng văn bản quy phạm pháp luật .....	<a href="#">30</a>
2.3 Quan hệ pháp luật .....	<a href="#">30</a>
2.3.1. Khái niệm, bản chất của quan hệ pháp luật .....	<a href="#">30</a>
2.3.2 Các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật.....	40
2.4 Pháp chế xã hội chủ nghĩa .....	41
2.4.1. Khái niệm và đặc điểm của pháp chế XHCN .....	41
2.4.2 Những đảm bảo cần thiết cho sự phát triển của pháp chế XHCN .....	42
2.4.3 Vấn đề tăng cường pháp chế XHCN .....	43
Câu hỏi ôn tập và tài liệu tham khảo chương	
2.....	36
CHƯƠNG 3: VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ .....	47
3.1 Vi phạm pháp luật.....	47
3.1.1. Khái niệm và những dấu hiệu cơ bản của vi phạm pháp luật .....	47
3.1.2 Cấu thành vi phạm pháp luật .....	47
3.1.3 Các loại vi phạm pháp luật.....	49
3.2 Trách nhiệm pháp lý .....	49
3.2.1 Khái niệm và đặc điểm của trách nhiệm pháp lý .....	49

3.2.2 Các loại trách nhiệm pháp lý.....	39
Câu hỏi ôn tập và tài liệu tham khảo chương 3.....	41
CHƯƠNG 4: LUẬT HIẾN PHÁP.....	53
4.1 Khái niệm chung về luật Hiến pháp.....	42
4.1.1 Khái niệm và lịch sử hình thành Hiến pháp.....	42
4.1.2 Đối tượng điều chỉnh của Luật hiến pháp.....	42
4.1.3 Phương pháp điều chỉnh .....	54
4.2 Những chế định cơ bản của luật Hiến pháp .....	54
4.2.1 Chế độ chính trị.....	54
4.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân .....	57
4.2.3 Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ và môi trường.....	61
4.2.4 <a href="#">Bộ máy nhà nước công hòa XHCN Việt Nam.....</a>	50
Câu hỏi ôn tập và tài liệu tham khảo chương 4.....	61
CHƯƠNG 5: LUẬT HÀNH CHÍNH .....	62
5.1 Khái niệm chung về luật hành chính.....	62
5.1.1 Khái niệm.....	62
5.1.2. Đối tượng điều chỉnh .....	62
5.1.3. Phương pháp điều chỉnh .....	62
5.2 Một số chế định cơ bản của luật hành chính.....	62
5.2.1 Cơ quan hành chính Nhà nước.....	62
5.2.2 Cán bộ công chức.....	63
5.2.3 Viên chức.....	64
5.2.4 Vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính.....	65
5.3 Tổ tụng hành chính .....	74
5.3.1 Những khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.....	74
5.3.2 Thẩm quyền của Tòa án.....	74
5.3.3 Quyền khởi kiện vụ án hành chính .....	75
5.3.4 Thời hiệu khởi kiện.....	75
5.4 Pháp luật về phòng chống tham nhũng.....	76
5.4.1 Khái niệm hành vi tham nhũng.....	76
5.4.2 Đặc điểm của hành vi tham nhũng.....	77
5.4.3 Các hành vi tham nhũng và tội phạm về tham nhũng.....	78
5.4.4 Nguyên nhân của tham nhũng.....	81
5.4.5 Tác hại của tham nhũng .....	85
5.4.6 Trách nhiệm của công dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng.....	86
Câu hỏi ôn tập và tài liệu tham khảo chương 5.....	87
CHƯƠNG 6: LUẬT DÂN SỰ VÀ LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ.....	88
6.1 Luật dân sự.....	88

6.1.1. Khái niệm chung về luật dân sự.....	88
6.1.2. Một số chế định cơ bản của luật dân sự.....	89
6.1.3. Thừa kế .....	100
6.2 Luật tố tụng dân sự .....	106
6.2.1 Khái niệm.....	106
6.2.2 Chủ thể của luật tố tụng dân sự.....	106
Câu hỏi ôn tập và tài liệu tham khảo chương	
6.....	112
CHƯƠNG 7: LUẬT HÌNH SỰ VÀ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ .....	113
7.1 Luật hình sự .....	113
7.1.2 Khái niệm luật hình sự.....	113
7.1.2 Một số chế định cơ bản của Luật hình sự .....	147
7.2 Luật tố tụng hình sự .....	119
7.2.1. Khái niệm.....	119
7.2.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự .....	120
Câu hỏi ôn tập và tài liệu tham khảo chương	
7.....	122
CHƯƠNG 8: LUẬT LAO ĐỘNG.....	123
8.1. Khái niệm chung về luật lao động .....	123
8.1.1 Khái niệm.....	123
8.1.2 Phạm vi điều chỉnh.....	123
8.1.3 Đối tượng áp dụng .....	123
8.1.4. Chính sách của Nhà nước về lao động.....	123
8.2 Các chế định cơ bản của luật lao động.....	124
8.2.1 Hợp đồng lao động.....	124
8.2.2. Thỏa ước lao động tập thể.....	132
8.2.3 Tiền lương.....	133
8.2.4 Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi .....	135
8.2.5 Kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất .....	138
8.2.6. An toàn lao động, vệ sinh lao động.....	142
8.2.7 Công đoàn .....	146
8.2.8 Giải quyết tranh chấp lao động .....	149
8.2.9 Bảo hiểm xã hội .....	158
8.2.10. Bảo hiểm thất nghiệp .....	177
Câu hỏi ôn tập và tài liệu tham khảo chương	
8.....	181
CHƯƠNG 9: LUẬT KINH DOANH.....	182
9.1 Khái niệm luật kinh doanh.....	183
9.2. Pháp luật về các loại hình doanh nghiệp.....	183
9.2.1. Khái niệm và phân loại doanh nghiệp.....	183
9.3. Pháp luật về phá sản doanh nghiệp .....	192
9.3.1. Khái niệm.....	192
9.3.2. Trình tự, thủ tục giải quyết phá sản .....	193
9.3.3. Xử lý các khoản nợ và thứ tự thanh toán tài sản .....	194
9.4. Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.....	194

9.4.1. Khái niệm.....	194
9.4.2. Các hình thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.....	195
Câu hỏi ôn tập và tài liệu tham khảo chương	
9.....	196

PDF

Pháp luật đại cương là môn học nghiên cứu các vấn đề về nhà nước và pháp luật, bản chất, vai trò xã hội, những quy luật đặc thù, cơ bản nhất của sự xuất hiện, tồn tại và phát triển của chúng; đồng thời cũng nghiên cứu những vấn đề cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật Việt Nam. Trong những năm qua nhằm đáp ứng mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nâng cao hơn nữa ý thức sống và làm việc theo pháp luật đặc biệt là trong giới học sinh - sinh viên là những chủ nhân tương lai của đất nước, Bộ giáo dục và đào tạo quy định việc giảng dạy môn học Pháp luật đại cương tại các trường Đại học, Cao đẳng và trung học chuyên nghiệp thông qua các chương trình môn học, giáo trình, tài liệu học tập .

Để góp phần phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật cho sinh viên, nâng cao được ý thức pháp luật và văn hoá pháp lý, tạo cơ sở cho việc tuyên truyền giáo dục tới các đối tượng khác trong xã hội. môn học Pháp luật đại cương đã đưa vào giảng dạy tại Học viện công nghệ bưu chính viễn thông ở hầu hết các ngành đào tạo và các hình thức đào tạo khác nhau.

Bài giảng Pháp luật đại cương được kết cấu gồm 9 chương theo đề cương môn Pháp luật đại cương dành cho chương trình đại học ngành Quản trị kinh doanh, Kế toán, Thương mại điện tử, Marketing, Thông tin truyền thông của Học viện công nghệ bưu chính viễn thông. Trong đó chương 1,2,3 tập trung giới thiệu những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật trong đó bao gồm các vấn đề lý luận cũng như thực tiễn đang đặt ra đối với Nhà nước và pháp luật Việt Nam. Trong các chương sau từ chương 4 đến chương 9, mỗi chương đề cập chi tiết một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Hiến pháp (Luật Nhà nước), Luật hành chính, Luật dân sự và Luật tố tụng dân sự, Luật hình sự và Luật tố tụng hình sự, Luật lao động và Luật kinh doanh. Đây là những ngành luật điều chỉnh những quan hệ xã hội cơ bản nhất và những quan hệ xã hội phổ biến trong đời sống.

Bài giảng được biên soạn đã cập nhật những quy định mới nhất của các văn bản pháp luật có liên quan trong hệ thống pháp luật Việt Nam, tuy nhiên nhà nước và pháp luật là hai hiện tượng xã hội tương đối phức tạp còn có nhiều vấn đề tranh luận chưa thống nhất. Vì vậy việc xây dựng được bài giảng Pháp luật đại cương hoàn chỉnh là điều rất khó khăn và không thể không tránh khỏi những thiếu sót, tác giả mong nhận được sự góp ý để bài giảng ngày càng được hoàn thiện hơn nữa.

Xin trân trọng cảm ơn./.

*Hà Nội, tháng 12 năm 2019*

Ths. TRẦN ĐOÀN HẠNH

PTT

## **1.1 Những vấn đề cơ bản về Nhà nước**

### **1.1.1 Nguồn gốc của Nhà nước**

Nhà nước là một hiện tượng xã hội đa dạng và phức tạp. Để có nhận thức đúng về bản chất Nhà nước, cũng như những biến động trong đời sống Nhà nước cần lý giải nhiều vấn đề trong đó nhất thiết phải làm sáng tỏ nguồn gốc hình thành Nhà nước, chỉ ra những nguyên nhân đích thực làm xuất hiện Nhà nước .

Có nhiều quan điểm khác nhau giải thích về nguồn gốc của Nhà nước như các học thuyết phi mác-xít (thuyết quyền gia trưởng, thuyết thần quyền, thuyết khế ước xã hội, thuyết bạo lực ...) và học thuyết của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác-Lê nin. Theo các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác-Lê nin giải thích nguồn gốc Nhà nước trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và lịch sử, đã chỉ ra rằng: Nhà nước không phải là một hiện tượng xã hội vĩnh cửu, bất biến mà là một phạm trù lịch sử có quá trình phát sinh, phát triển, tồn tại và tiêu vong. Lịch sử xã hội loài người đã trải qua một thời kỳ chưa có Nhà nước đó là chế độ công xã nguyên thủy và sẽ phát triển đến giai đoạn không cần đến Nhà nước. Nhà nước nảy sinh từ trong đời sống xã hội, xuất hiện khi xã hội loài người phát triển đến một trình độ nhất định, và khi những điều kiện khách quan cho sự tồn tại của Nhà nước không còn nữa thì Nhà nước sẽ tiêu vong .

Xã hội loài người đã phát triển qua nhiều hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong đó chế độ công xã nguyên thủy là hình thái kinh tế xã hội đầu tiên không tồn tại giai cấp và Nhà nước. Trong chế độ công xã nguyên thủy do trình độ phát triển của lực lượng sản xuất còn rất thấp kém và tình trạng bất lực của con người trước những hiện tượng thiên nhiên và thú dữ, nên để kiếm sống và tự bảo vệ mình con người buộc phải co cụm lại dựa vào nhau cùng chung sống, cùng lao động và cùng hưởng thụ những thành quả do lao động mang lại. Mọi tư liệu sản xuất và sản phẩm lao động đều thuộc sở hữu chung của mọi thành viên trong cộng đồng. Tính chất xã hội trong chế độ công xã nguyên thủy còn rất đơn giản gồm có tổ chức thị tộc – là tế bào, là cơ sở cấu thành xã hội . Thị tộc được tổ chức theo nguyên tắc huyết thống, lúc đầu huyết thống được xác lập theo dòng mẹ gọi là thị tộc mẫu hệ và về sau được xác lập theo dòng cha gọi là thị tộc phụ hệ. Mỗi thành viên của thị tộc đều bình đẳng về quyền lợi và địa vị xã hội, trong xã hội không tồn tại đặc quyền, đặc lợi không có sự phân hóa giàu nghèo. Hệ thống quản lý của công xã thị tộc là Hội đồng thị tộc và tù trưởng: Hội đồng thị tộc hợp thành bởi tất cả các thành viên đã trưởng thành của thị tộc là tổ chức quyền lực cao nhất của thị tộc. Tù trưởng do hội nghị toàn thể thị tộc bầu ra, được lựa chọn từ những người nhiều tuổi, có kinh nghiệm và uy tín trong cộng đồng. Tù trưởng đứng đầu thị tộc song không có đặc quyền so với các thành viên khác của thị tộc, họ cũng phải lao động và được hưởng thụ



như mọi người. Quá trình phát triển xã hội công xã nguyên thủy đã xuất hiện hình thức tổ chức cao hơn là bào tộc, bộ lạc và liên minh bộ lạc. Xã hội công xã nguyên thủy có sự phân công lao động nhưng mang tính tự nhiên giữa các thành viên của thị tộc để làm những công việc thích hợp khác nhau giữa đàn ông và đàn bà, người khỏe, người già và trẻ em. Phân công lao động chưa mang tính xã hội nên không tạo ra vị trí khác nhau của con người trong sản xuất và đời sống.

Xã hội công xã nguyên thủy chưa có Nhà nước nhưng quá trình vận động và phát triển của nó đã làm xuất hiện những tiền đề vật chất cho sự tan rã của tổ chức thị tộc – bộ lạc và sự ra đời của Nhà nước. Trong quá trình sống và lao động sản xuất, con người ngày một phát triển hơn về thể chất, trí lực, cấu trúc các giác quan ngày một hoàn thiện, hiểu biết nhiều hơn các quy luật tự nhiên và xã hội, tích lũy được nhiều kinh nghiệm sản xuất, luôn tìm kiếm và cải tiến các công cụ lao động. Tất cả những yếu tố này đưa đến năng suất lao động xã hội tăng lên không ngừng, lực lượng sản xuất có những bước tiến rõ rệt đòi hỏi có sự phân công lao động theo hướng chuyên môn hóa. Vào thời kỳ cuối của chế độ công xã nguyên thủy đã diễn ra lần lượt 3 lần phân công lao động xã hội: 1) Chăn nuôi tách khỏi trồng trọt; 2) Thủ công nghiệp tách khỏi nông nghiệp; 3) Buôn bán phát triển, thương nghiệp ra đời.

Sự phát triển của công cụ sản xuất, sự phân công lao động xã hội làm cho kinh tế đạt những bước tiến dài, sản phẩm làm ra ngày một nhiều hơn so với yêu cầu của xã hội xuất hiện dấu hiệu của cải dư thừa, phát sinh khả năng chiếm đoạt sản phẩm thừa làm của riêng. Quá trình phân hóa tài sản bắt đầu nảy sinh, những người có địa vị và uy tín trong xã hội như tù trưởng, thủ lĩnh quân sự lợi dụng ưu thế sẵn có của mình chiếm đoạt tài sản của thị tộc – bộ lạc thành tài sản riêng. Chế độ tư hữu được hình thành. Trước đây do khả năng kinh tế không cho phép và nhu cầu về sức lao động không đặt ra nên tù binh bị bắt trong các cuộc giao tranh giữa các thị tộc – bộ lạc đều bị giết, về sau do sản xuất phát triển, nhu cầu sức lao động tăng tù binh được giữ lại nuôi để bổ sung vào nguồn lao động và những người có địa vị trong thị tộc đã chiếm hữu và khai thác lao động cho cá nhân họ. Chế độ hôn nhân một vợ, một chồng xuất hiện gia đình có cơ cấu nhỏ tách khỏi gia đình phụ hệ cơ cấu lớn và trở thành đơn vị kinh tế tự chủ trong sản xuất, độc lập tài sản, tự định đoạt sản phẩm lao động. Trong quá trình sản xuất, những người có công cụ tốt, có sức khỏe và kinh nghiệm thu được hiệu quả cao, ngày càng giàu có. Một số người giàu có do chiếm được tư liệu sản xuất, do bóc lột lao động tù binh và bóc lột những người nghèo khác, đã giành được vị trí ưu thế trong xã hội và trở thành giai cấp bóc lột. Những người không có tư liệu sản xuất, bị bóc lột ngày càng nghèo khó trở thành giai cấp bị bóc lột. Hai bộ phận dân cư này do quyền lợi đối lập nhau nên mâu thuẫn ngày càng gay

gắt và quyết liệt, điều kiện kinh tế – xã hội là cơ sở tồn tại của xã hội công xã nguyên thủy bị phá vỡ, quyền lực xã hội và hệ thống quản lý do toàn thể các thành viên cộng đồng tổ chức ra để bảo vệ lợi ích của các thành viên bình đẳng nay không thích hợp với xã hội đã phân hóa và mâu thuẫn gay gắt về lợi ích. Để duy trì trật tự và quản lý một xã hội đã có những thay đổi rất cơ bản đòi hỏi phải có một tổ chức và một quyền lực mới khác về chất. Tổ chức đó do giai cấp chiếm được ưu thế về kinh tế tổ chức ra để thực hiện sự thống trị giai cấp, dập tắt xung đột công khai giữa các giai cấp, giữ các xung đột ấy trong một vòng trật tự, bảo vệ lợi ích và địa vị của giai cấp thống trị - Đó là **Nhà nước**. Do vậy khi chế độ công xã nguyên thủy tan rã, Nhà nước xuất hiện là kết quả của sự vận động, phát triển nội tại của xã hội loài người. Tiền đề kinh tế cho sự ra đời của Nhà nước là chế độ tư hữu tài sản, tiền đề xã hội cho sự ra đời của Nhà nước là sự phân hóa xã hội thành các giai cấp, các tầng lớp có lợi ích đối lập nhau và mâu thuẫn giữa các giai cấp, các tầng lớp ấy gay gắt đến mức không thể điều hòa được .

\* Định nghĩa Nhà nước: Nhà nước là một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị, một bộ máy chuyên làm nhiệm vụ cưỡng chế và thực hiện các chức năng quản lý đặc biệt nhằm duy trì trật tự xã hội, thực hiện mục đích bảo vệ địa vị của giai cấp thống trị.

\* Các dấu hiệu đặc trưng của Nhà nước

- Nhà nước là một tổ chức quyền lực chính trị công cộng đặc biệt, có bộ máy chuyên thực hiện cưỡng chế và quản lý những công việc chung của xã hội.

Nhà nước thiết lập quyền lực công cộng đặc biệt không hoà nhập với dân cư, hầu như tách khỏi xã hội; quyền lực công này là quyền lực chính trị chung. Chủ thể của quyền lực là giai cấp thống trị về kinh tế và chính trị; để thực hiện quyền lực và quản lý xã hội có một tầng lớp người chuyên làm nhiệm vụ quản lý và được tổ chức thành các cơ quan nhà nước và hình thành bộ máy đại diện cho quyền lực chính trị có sức mạnh cưỡng chế, duy trì địa vị của giai cấp thống trị, bắt giai cấp khác phải phục tùng theo ý chí của giai cấp thống trị.

- Nhà nước thực hiện quản lý dân cư theo lãnh thổ.

Nhà nước phân chia dân cư theo các đơn vị hành chính lãnh thổ không phụ thuộc huyết thống, nghề nghiệp hoặc giới tính (khác với tổ chức thị tộc tập hợp các thành viên của mình theo dấu hiệu huyết thống). Việc phân chia này dẫn đến việc hình thành các cơ quan quản lý trên từng đơn vị hành chính lãnh thổ. Không một tổ chức nào trong xã hội có giai cấp lại có lãnh thổ riêng của mình, lãnh thổ là dấu hiệu đặc trưng của nhà nước. Mọi nhà nước đều có lãnh thổ riêng

của mình, để cai trị hay quản lý, mọi nhà nước đều chia lãnh thổ của mình thành các đơn vị hành chính như tỉnh, huyện, xã,... Do có dấu hiệu về lãnh thổ mà xuất hiện chế định quốc tịch - chế định quy định sự lệ thuộc của một công dân vào một nhà nước và một vùng lãnh thổ nhất định; thông qua đó nhà nước thiết lập quan hệ với công dân của mình

- Nhà nước có chủ quyền quốc gia.

Nhà nước là một tổ chức quyền lực có chủ quyền; chủ quyền quốc gia này mang nội dung chính trị pháp lý thể hiện ở quyền tự quyết của nhà nước về mọi chính sách đối nội và đối ngoại không phụ thuộc vào bất kỳ một quốc gia nào khác. Chủ quyền quốc gia là một thuộc tính không tách rời nhà nước, có tính tối cao với, các tổ chức và dân cư. Dấu hiệu chủ quyền của nhà nước còn thể hiện sự độc lập, bình đẳng giữa các quốc gia với nhau dù đó là quốc gia lớn hay nhỏ.

- Nhà nước ban hành pháp luật và thực hiện quản lý bắt buộc với công dân.

Là người đại diện chính thống của xã hội, để cai trị (quản lý) đối với mọi công dân của đất nước, nhà nước ban hành pháp luật và bảo đảm thực hiện, kể cả bằng sức mạnh cưỡng chế. Tất cả các quy định của nhà nước đối với mọi công dân được thể hiện trong pháp luật do nhà nước ban hành. Nhà nước và pháp luật có mối liên hệ phụ thuộc: không thể có nhà nước mà thiếu pháp luật và ngược lại. Trong xã hội, chỉ có nhà nước mới có quyền ban hành pháp luật và bảo đảm cho pháp luật có hiệu lực thực thi trong cuộc sống, các tổ chức xã hội không có quyền này.

- Nhà nước quy định các loại thuế và thực hiện thu thuế dưới hình thức bắt buộc.

Để nuôi dưỡng bộ máy nhà nước, đảm bảo cho sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, giải quyết các công việc chung của xã hội, mọi nhà nước đều quy định và tiến hành thu các loại thuế bắt buộc đối với dân cư của mình. Trong xã hội có nhà nước không một thiết chế chính trị nào có quyền quy định về thuế và thu thuế. Vấn đề đặt ra là nhà nước phải xây dựng một chính sách thuế đúng đắn, công bằng, hợp lý, đơn giản và tiện lợi.

### **1.1.2 Bản chất của Nhà nước**

#### **1.1.2.1. Tính giai cấp của Nhà nước**

Đi từ sự phân tích nguồn gốc Nhà nước các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lê nin cho rằng nhà nước chỉ xuất hiện và tồn tại trong xã hội có giai cấp và luôn mang bản chất giai cấp sâu sắc. Làm rõ tính chất giai cấp của Nhà nước phải giải đáp được câu hỏi: Nhà nước do

giai cấp nào tổ chức ra và lãnh đạo, nhà nước tồn tại và hoạt động trước hết phục vụ lợi ích của giai cấp nào trong xã hội.

Nghiên cứu nguồn gốc ra đời của nhà nước, các nhà tư tưởng khẳng định: *“Nhà nước là sản phẩm và biểu hiện của những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được”*. Nhà nước trước hết là *“bộ máy trấn áp đặc biệt của giai cấp này đối với giai cấp khác”*, là bộ máy để duy trì sự thống trị giai cấp. Trong xã hội có giai cấp, sự thống trị giai cấp xét về nội dung thể hiện ở 3 mặt: kinh tế, chính trị và tư tưởng. Để thực hiện sự thống trị của mình, giai cấp thống trị phải tổ chức và sử dụng nhà nước, củng cố và duy trì quyền lực về chính trị, kinh tế và tư tưởng đối với toàn xã hội. Bằng nhà nước, giai cấp thống trị về kinh tế trở thành giai cấp thống trị về chính trị, ý chí của giai cấp thống trị được thể hiện một cách tập trung và biến thành ý chí nhà nước, bắt buộc mọi thành viên trong xã hội phải tuân theo, các giai cấp, các tầng lớp dân cư phải hành động trong một giới hạn và trật tự phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị.

Nhà nước là một bộ máy cưỡng chế đặc biệt, là công cụ sắc bén nhất duy trì sự thống trị giai cấp, đàn áp lại sự phản kháng của các giai cấp bị thống trị, bảo vệ địa vị và lợi ích của giai cấp thống trị. Do nắm được quyền lực nhà nước, hệ tư tưởng của giai cấp thống trị biến thành hệ tư tưởng thống trị trong xã hội. Trong các xã hội bóc lột, nhà nước có thuộc tính chung là bộ máy đặc biệt duy trì sự thống trị về kinh tế, chính trị, tư tưởng của thiểu số đối với đa số là nhân dân lao động, thực hiện nền chuyên chính của giai cấp bóc lột. Nhà nước XHCN là nhà nước kiểu mới, là công cụ thực hiện nền chuyên chính và bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Nhà nước XHCN là một bộ máy thống trị của đa số với thiểu số.

#### *1.1.2.2. Vai trò xã hội của nhà nước*

Bản chất Nhà nước thể hiện không chỉ thông qua bản chất giai cấp của nó, mà còn thể hiện thông qua vai trò, giá trị xã hội của nó. Vai trò xã hội và giá trị xã hội của Nhà nước thể hiện ở chỗ: nhà nước giải quyết các công việc mang tính xã hội, phục vụ cho lợi ích chung của xã hội; đặc biệt trong thời đại ngày nay như: xây dựng các công trình phúc lợi xã hội, trường học, bệnh viện...

Do vậy, nhà nước ngoài tính cách là công cụ duy trì sự thống trị và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị, còn phải là một tổ chức quyền lực công, là phương thức tổ chức bảo đảm lợi ích chung của xã hội. Nhà nước không chỉ phục vụ lợi ích của giai cấp thống trị mà còn đứng ra giải quyết những vấn đề nảy sinh từ trong đời sống xã hội, bảo đảm trật tự chung, sự ổn định, bảo đảm các giá trị chung của xã hội để xã hội tồn tại và phát triển. Như vậy nhà

nước không chỉ bảo vệ lợi ích của giai cấp cầm quyền mà phải bảo đảm lợi ích của các giai tầng khác trong xã hội khi mà những lợi ích đó không mâu thuẫn căn bản với lợi ích của giai cấp thống trị.

Vai trò xã hội và giá trị xã hội của nhà nước tùy thuộc vào bản chất giai cấp của nhà nước. Vì vậy sẽ là sai lầm trong nhận thức và hành động nếu chỉ nhấn mạnh 1 chiều bản chất giai cấp của nhà nước mà không thấy vai trò xã hội và giá trị xã hội của nhà nước.

### ***1.1.3 Các kiểu nhà nước***

Nhà nước là thực thể xã hội tồn tại trong lịch sử, dưới hình thái kinh tế xã hội nhất định. Do vậy, dựa trên nội dung của phạm trù hình thái kinh tế-xã hội, học thuyết Mác-Lênin đã phân chia các nhà nước trong lịch sử thành các kiểu khác nhau.

*Kiểu nhà nước là tổng thể những đặc điểm cơ bản của nhà nước, thể hiện bản chất, vai trò xã hội, những điều kiện, phát sinh, tồn tại và phát triển của nhà nước trong một hình thái kinh tế-xã hội có giai cấp nhất định.*

Trong lịch sử tư tưởng chính trị - pháp lý đã có những cách khác nhau trong việc phân chia các kiểu nhà nước. Tuy nhiên, học thuyết Mác-Lênin về hình thái kinh tế-xã hội đem lại cơ sở khoa học để phân biệt các kiểu nhà nước trong lịch sử.

Mỗi hình thái – kinh tế xã hội là một kiểu tổ chức đời sống xã hội tương ứng với một phương thức sản xuất nhất định. Từ khi phân chia thành các giai cấp đến nay, xã hội loài người đã và đang trải qua bốn hình thái kinh tế-xã hội là chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư sản và XHCN. Trong các hình thái kinh tế-xã hội đó, nhà nước – yếu tố thuộc kiến trúc thượng tầng của xã hội phát sinh, tồn tại và phát triển dựa trên và phù hợp với bản chất, đặc điểm của mỗi cơ sở hạ tầng nhất định là các quan hệ sản xuất trong mỗi phương thức sản xuất tương ứng. Theo các hình thái kinh tế-xã hội đã nêu, có bốn kiểu nhà nước là:

- Kiểu Nhà nước chủ nô: là kiểu Nhà nước đầu tiên trong lịch sử, ra đời khi chế độ thị tộc-bộ lạc tan rã, tư hữu tài sản xuất hiện, sự phân hóa xã hội thành giai cấp và mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được. Cơ sở kinh tế của Nhà nước chủ nô là chế độ sở hữu của chủ nô đối với tư liệu sản xuất, sản phẩm lao động và người nô lệ. Trong xã hội có 2 giai cấp chính là chủ nô và nô lệ, ngoài ra còn có tầng lớp thợ thủ công và những người lao động tự do khác.



Nhà nước chủ nô xét về bản chất là công cụ bạo lực để thực hiện nền chuyên chính của giai cấp chủ nô, duy trì sự thống trị và bảo vệ lợi ích của chủ nô, đàn áp nô lệ và những người lao động khác.

- Kiểu Nhà nước phong kiến: cơ sở kinh tế của Nhà nước phong kiến là chế độ sở hữu của giai cấp địa chủ phong kiến đối với tư liệu sản xuất mà chủ yếu là ruộng đất, người nông dân không có hoặc có rất ít ruộng đất nên phải phụ thuộc vào địa chủ phong kiến.

Về bản chất, nhà nước phong kiến là công cụ trong tay giai cấp địa chủ phong kiến, duy trì các hình thức bóc lột đối với nông dân và các tầng lớp lao động khác, đàn áp sự chống đối của những người lao động bằng bạo lực và đàn áp tư tưởng, tuyên truyền hệ tư tưởng phong kiến, nô dịch các tầng lớp lao động bằng hệ tư tưởng tôn giáo và hệ thống tổ chức tôn giáo. Nhà nước phong kiến có thực hiện các hoạt động kinh tế nhưng với mức độ hạn chế. Về đối ngoại, nhà nước phong kiến tiến hành chiến tranh xâm lược, mở rộng đất đai-lãnh thổ, cướp bóc của cải và phòng thủ chống bành chướng, xâm lược.

- Kiểu Nhà nước tư sản: Sự ra đời của Nhà nước tư sản đánh dấu sự tiến bộ to lớn trong lịch sử phát triển của nhân loại, trong giai đoạn đầu nhà nước tư sản đã có vai trò tích cực trong việc giải phóng xã hội khỏi trật tự phong kiến, giải phóng lực lượng sản xuất xã hội, đưa đến bước phát triển nhảy vọt của xã hội loài người. Nhà nước tư sản là kiểu nhà nước bóc lột cuối cùng trong lịch sử, là công cụ duy trì nền thống trị của giai cấp tư sản đối với các tầng lớp nhân dân lao động.

Cơ sở kinh tế của Nhà nước tư sản là quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dựa trên chế độ tư hữu tư bản về tư liệu sản xuất và bóc lột giá trị thặng dư. Cơ cấu giai cấp gồm 2 giai cấp chính là tư sản và vô sản, đây là cơ sở xã hội của nhà nước tư sản. Nằm trong tay những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội, giai cấp tư sản giữ vai trò thống trị xã hội. Về phương diện pháp lý, giai cấp vô sản được tự do nhưng do không có tư liệu sản xuất phải bán sức lao động và trở thành người làm thuê cho giai cấp tư sản, chịu sự bóc lột của giai cấp tư sản.

- Kiểu Nhà nước XHCN: là kiểu nhà nước cuối cùng trong lịch sử xã hội loài người. Sự ra đời của nhà nước XHCN mang tính tất yếu khách quan, phù hợp với quy luật vận động và phát triển của xã hội. Nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của nhà nước XHCN là những tiền đề về kinh tế, xã hội và chính trị xuất hiện trong lòng xã hội tư sản. Tuy nhiên sự ra đời của nhà nước XHCN còn chịu

tác động rất mạnh mẽ của các điều kiện lịch sử, thời đại và yếu tố dân tộc ở từng quốc gia, từng vùng trên thế giới.

Nhà nước là bộ phận quan trọng nhất trong kiến trúc thượng tầng xã hội, khi hạ tầng cơ sở thay đổi, các quan hệ kinh tế mới tiến bộ hơn thay thế các quan hệ kinh tế cũ đã lạc hậu, kéo theo sự thay đổi kiểu nhà nước thông qua các cuộc cách mạng xã hội. Như vậy, sự thay thế các kiểu nhà nước trong lịch sử gắn liền và là biểu hiện của sự thay đổi các hình thái kinh tế - xã hội.

Trong bốn kiểu nhà nước nêu trên, các nhà nước chủ nô, phong kiến, tư sản đều dựa trên nền tảng kinh tế là chế độ người bóc lột người đồng thời phục vụ và bảo vệ chế độ đó nên người ta gọi kiểu nhà nước bóc lột.

Nhà nước XHCN dựa trên chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất nên có bản chất khác hẳn, nó bảo vệ và phục vụ cho lợi ích của đại đa số nhân dân lao động gồm giai cấp công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức.

Mỗi kiểu lịch sử của nhà nước có những đặc điểm riêng biệt về bản chất, chức năng. Sự thay thế các kiểu nhà nước diễn ra thông qua cách mạng xã hội mà kết quả là kiểu nhà nước sau bao giờ cũng tiến bộ và hoàn thiện hơn kiểu nhà nước trước. Đó là quy luật phát triển của lịch sử. Sự phát triển không ngừng, tính năng động và cách mạng của lực lượng sản xuất đã mâu thuẫn ngày càng gay gắt với quan hệ sản xuất trì trệ, lỗi thời đòi hỏi phải phá bỏ quan hệ sản xuất cũ, thiết lập quan hệ sản xuất mới, giải phóng lực lượng sản xuất phát triển.

Nhưng sự thay thế các kiểu nhà nước không phải là một quá trình tự nó, giai cấp thống trị đại biểu cho phương thức sản xuất cũ không bao giờ tự rời bỏ nhà nước và địa vị thống trị của mình, bởi vậy giai cấp đại biểu cho phương thức sản xuất mới phải tập hợp lực lượng để lật đổ kiểu nhà nước cũ, thiết lập kiểu nhà nước mới. Nhà nước mới được thiết lập thực hiện những biện pháp giải phóng sức sản xuất xã hội, bảo vệ và phục vụ lợi ích giai cấp mới lên cầm quyền. Sự thay thế kiểu nhà nước không diễn ra tức thời mà là một quá trình chuyển biến từng bước và có tính kế tiếp.

#### ***1.1.4 Hình thức nhà nước***

##### ***1.1.4.1. Khái niệm***

Hình thức nhà nước là sự biểu hiện ra bên ngoài của việc tổ chức quyền lực nhà nước ở mỗi kiểu nhà nước trong một hình thái kinh tế xã hội nhất định. Hình thức nhà nước do bản chất và nội dung của nhà nước quy định .

##### ***1.1.4.2. Phân loại***

Có 2 loại hình thức nhà nước bao gồm hình thức chính thể và hình thức cấu trúc .

- Hình thức chính thể: là hình thức tổ chức các cơ quan quyền lực tối cao, cơ cấu, trình tự và mối quan hệ giữa chúng với nhau cũng như mức độ tham gia của nhân dân vào việc thiết lập các cơ quan này.

Hình thức chính thể gồm 2 dạng cơ bản là:

+ Chính thể quân chủ: quyền lực nhà nước tập trung toàn bộ hay phần lớn trong tay người đứng đầu nhà nước (Vua , Hoàng đế ...) theo nguyên tắc thừa kế.

+ Chính thể cộng hòa: quyền lực nhà nước được thực hiện bởi các cơ quan đại diện do dân bầu ra trong một thời gian nhất định.

- Hình thức cấu trúc: là sự tổ chức nhà nước theo các đơn vị hành chính – lãnh thổ và tính chất quan hệ giữa các bộ phận cấu thành nhà nước, giữa cơ quan nhà nước trung ương với cơ quan nhà nước địa phương.

Có hai hình thức cấu trúc nhà nước chủ yếu đó là:

+ Nhà nước đơn nhất: là nhà nước có lãnh thổ toàn vẹn, thống nhất Các bộ phận hợp thành nhà nước là các đơn vị hành chính lãnh thổ không có chủ quyền quốc gia và các đặc điểm khác của nhà nước; đồng thời nó có hệ thống các cơ quan nhà nước từ trung ương xuống địa phương.

*Ví dụ: Nhà nước Việt Nam , Lào, Trung Quốc ...*

+ Nhà nước liên bang: do nhiều nhà nước hợp lại. Trong nhà nước liên bang thì không chỉ liên bang có dấu hiệu của nhà nước mà các nhà nước thành viên cũng có. Có hai hệ thống cơ quan nhà nước và hai hệ thống pháp luật của chung liên bang và từng nhà nước thành viên.

*Ví d : Nhà nước liên bang Mỹ , Malaixia , Braxin ...*

- Ngoài ra có một loại hành nhà nước khác nữa là Nhà nước liên minh – chỉ là sự liên kết tạm thời của các quốc gia để thực hiện những nhiệm vụ và mục tiêu nhất định. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ và đạt được mục đích rồi thì nhà nước liên minh tự giải tán, cũng có trường hợp nó phát triển thành nhà nước liên bang.

*Ví dụ: Từ năm 1776 đến 1787 Hợp chúng quốc Hoa Kỳ là nhà nước liên minh sau đó phát triển thành nhà nước liên bang.*

#### *1.1.4.3 Chế độ chính trị*

Là toàn bộ các phương pháp, cách thức, phương tiện mà các cơ quan nhà nước sử dụng để thực hiện quyền lực nhà nước. Nói cách khác, chế độ chính trị là phương pháp cai trị và quản lý xã hội của giai cấp cầm quyền nhằm thực hiện những mục tiêu chính trị nhất định. Chế độ chính trị quan hệ chặt chẽ với bản chất, nhiệm vụ, mục tiêu hoạt động của nhà nước và các điều kiện khác về kinh tế, chính trị – xã hội, thể hiện mức độ dân chủ trong một nhà nước .



Từ khi nhà nước xuất hiện cho tới nay các giai cấp cầm quyền đã sử dụng nhiều phương pháp cai trị khác nhau nhưng nhìn chung có hai phương pháp chính là phương pháp dân chủ và phương pháp phản dân chủ. Tương ứng với 2 phương pháp ấy là 2 chế độ nhà nước:

+ Chế độ dân chủ: tôn trọng các quyền cơ bản của công dân được đảm bảo trong thực tế bằng việc được pháp luật bảo vệ. Công dân được tham gia vào việc xây dựng nhà nước, tham gia quản lý và giải quyết những công việc hệ trọng của nhà nước.

*Ví dụ: chế độ dân chủ chủ nô, chế độ dân chủ quý tộc phong kiến, chế độ dân chủ tư sản.*

+ Chế độ phản dân chủ: chà đạp lên quyền tự do dân chủ của công dân.

*Ví dụ: chế độ độc tài chuyên chế chủ nô, chế độ độc tài chuyên chế phong kiến, chế độ độc tài phát xít tư sản.*

#### **1.1.5 Chức năng của Nhà nước**

Chức năng của nhà nước là những phương diện, loại hoạt động cơ bản của nhà nước nhằm thực hiện những nhiệm vụ đặt ra trước nhà nước.

Chức năng của nhà nước phụ thuộc vào bản chất của nhà nước: chức năng của nhà nước XHCN khác với chức năng của nhà nước bóc lột ở nội dung và phương pháp thực hiện, vì nhà nước XHCN dựa trên cơ sở kinh tế là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất và nhà nước XHCN thể hiện ý chí, lợi ích, nguyện vọng của nhân dân lao động, đó là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

Chức năng của nhà nước do các cơ quan nhà nước bộ phận hợp thành của bộ máy nhà nước thực hiện. Ví dụ chức năng bảo đảm pháp chế và trật tự pháp luật được giao cho rất nhiều cơ quan nhà nước ở các cấp khác nhau nhưng mỗi cơ quan nhà nước có chức năng đặc thù riêng để thực hiện chức năng chung đó. Các chức năng của nhà nước được quy định một cách khách quan bởi cơ sở kinh tế và xã hội của nhà nước, vì vậy các chức năng của nhà nước có quan hệ gắn bó hữu cơ với nhau tạo thành 1 thể thống nhất. Có thể phân loại chức năng nhà nước thành các chức năng đối nội và các chức năng đối ngoại.

Chức năng đối nội bao gồm

- + Tổ chức và quản lý nền kinh tế;
- + Tổ chức và quản lý nền văn hóa, giáo dục, khoa học – công nghệ;

+ Giữ vững an ninh, chính trị, trấn áp sự phản kháng của giai cấp đối kháng;

+ Bảo vệ trật tự pháp luật và quyền lợi của giai cấp cầm quyền.

- Chức năng đối ngoại: thể hiện vai trò của nhà nước trong quan hệ với các nước và các dân tộc khác. Ví dụ phòng thủ đất nước, chống sự xâm lược từ bên ngoài, thiết lập các mối quan hệ ngoại giao với các quốc gia khác.

Hai nhóm chức năng này có mối quan hệ mật thiết với nhau: nếu thực hiện tốt các chức năng đối nội sẽ có thuận lợi cho việc thực hiện tốt chức năng đối ngoại và ngược lại, thực hiện thành công hay thất bại chức năng đối ngoại sẽ ảnh hưởng tốt hoặc cản trở việc thực hiện chức năng đối nội. Để thực hiện chức năng đối nội và đối ngoại, nhà nước áp dụng nhiều hình thức và phương pháp hoạt động khác nhau; nó bắt nguồn trực tiếp và thể hiện bản chất giai cấp cũng như mục tiêu hoạt động của nhà nước. Các hình thức chủ yếu áp dụng là các hình thức pháp lý như: hoạt động xây dựng pháp luật, hoạt động chấp hành pháp luật và hoạt động bảo vệ pháp luật. Các phương pháp chủ yếu sử dụng là thuyết phục và cưỡng chế. Với các nhà nước bóc lột, biện pháp cưỡng chế là chủ yếu; với nhà nước XHCN thì biện pháp thuyết phục là chủ yếu, biện pháp cưỡng chế cũng được áp dụng khi việc thuyết phục không đạt hiệu quả.

### **1.1.6 Nhà nước cộng hoà XHCN Việt Nam**

#### **1.1.6.1. Bản chất của nhà nước CHXHCN Việt Nam**

Bản chất bao trùm nhất, chi phối mọi lĩnh vực của đời sống nhà nước Việt Nam hiện nay từ tổ chức đến hoạt động thực tiễn là **tính nhân dân** của nhà nước. Điều 2 Hiến pháp Việt Nam năm 2013 quy định: “*Nhà nước công hòa XHCN Việt Nam là nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân...Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam do nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức...*”. Bản chất này được cụ thể bằng những đặc trưng sau:

\*. Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước, thực hiện quyền lực nhà nước dưới nhiều hình thức khác nhau. Hình thức cơ bản nhất là thông qua bầu cử lập ra các cơ quan đại diện quyền lực của mình đó là Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Ngoài ra còn thực hiện quyền thông qua các hình thức kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước hoặc trực tiếp trình bày các yêu cầu, kiến nghị của mình đối với các cơ quan nhà nước ...

\*. Nhà nước cộng hòa XHCN Việt Nam là nhà nước của tất cả các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam, là biểu hiện tập trung của khối đại đoàn kết các dân tộc anh em.

Tính dân tộc của nhà nước Việt Nam là vấn đề có tính lịch sử, truyền thống lâu dài chính là nguồn gốc sức mạnh của nhà nước. Ngày nay đặc tính dân tộc ấy lại được tăng cường và nâng cao nhờ khả năng kết hợp thống nhất giữa tính giai cấp, tính nhân dân, tính dân tộc và tính thời đại.

\*. Nhà nước cộng hòa XHCN Việt Nam được tổ chức và hoạt động trên cơ sở nguyên tắc bình đẳng trong các mối quan hệ giữa nhà nước và công dân. Công dân có đầy đủ các quyền tự do, dân chủ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đồng thời công dân cũng phải tự giác thực hiện mọi nghĩa vụ trước nhà nước, về phần mình nhà nước cũng tôn trọng các quyền tự do dân chủ của công dân ghi nhận đảm bảo cho các quyền đó được thực hiện đầy đủ. Mối quan hệ giữa nhà nước và công dân được xác lập trên cơ sở tôn trọng lợi ích giữa các bên.

\*. Tính chất dân chủ rộng rãi trong lĩnh vực kinh tế – xã hội: chế độ kinh tế được Hiến pháp Việt Nam năm 2013 quy định là một sự khẳng định pháp lý không chỉ đối với công cuộc cải cách kinh tế hiện nay mà còn là sự biểu hiện cụ thể tính chất dân chủ của nhà nước ta trong lĩnh vực kinh tế: “ *Nhà nước phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN* ”. Thật ra nền kinh tế thị trường không phải là mục đích tự thân của CNXH nhưng đó là phương tiện rất cần thiết để nhà nước và xã hội đạt được mục tiêu “ **dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh** ”.

Về chính trị, nhà nước tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc bảo đảm các quyền tự do dân chủ của công dân được tôn trọng. Về văn hóa-xã hội, nhà nước thực hiện chủ trương tự do tư tưởng, giải phóng mọi khả năng sáng tạo của con người, quy định các quyền tự do báo chí, hội họp, tín ngưỡng, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, nhà ở,... Nhà nước quan tâm giải quyết nhiều vấn đề xã hội như việc làm, thất nghiệp, người già cô đơn, trẻ em mồ côi, đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, quan tâm phát triển giáo dục, khoa học công nghệ, bảo vệ sức khỏe nhân dân... Nhà nước kiên quyết trừng trị các hành vi phá hoại, lật đổ, xâm hại đến an ninh quốc gia đồng thời bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, đấu tranh chống các vi phạm pháp luật.

\*. Nhà nước thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị, mở rộng giao lưu và hợp tác với tất cả các nước trên thế giới không phân biệt chế độ

chính trị và xã hội khác nhau trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ, các bên bình đẳng và cùng có lợi, đồng thời tích cực ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

#### *1.6.1.2. Chức năng của Nhà nước CHXHCN Việt Nam*

Chức năng của Nhà nước là những phương diện, loại hoạt động cơ bản của nhà nước nhằm thực hiện những nhiệm vụ đặt ra trước nhà nước. Chức năng của nhà nước phụ thuộc vào bản chất của nhà nước.

\*. Các chức năng đối nội: là những mặt hoạt động chủ yếu của nhà nước trong nội bộ 1 nước. Chức năng đối nội bao gồm

- Chức năng kinh tế

Trong điều kiện nền kinh tế tập trung tập trung bao cấp, nhà nước đã tự biến mình thành một tổ chức siêu kinh tế, trực tiếp quản lý mọi mặt của đời sống kinh tế từ sản xuất đến phân phối lưu thông. Với một nền kinh tế tập trung ấy, nhà nước vừa đóng vai trò của người quản lý, người sản xuất, người tiêu thụ sản phẩm và người phân phối sản phẩm.

Ngày nay trong điều kiện của nền kinh tế mới – nền kinh tế thị trường với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, vai trò và chức năng kinh tế của nhà nước đã căn bản thay đổi. Nền kinh tế thị trường và nhiều thành phần không những không làm yếu đi vai trò kinh tế của nhà nước mà ngược lại nó đang và đã đặt ra trước nhà nước những nhiệm vụ và trách nhiệm hết sức nặng nề đối với sự phát triển của nền kinh tế quốc dân. Trước nhu cầu của cơ chế kinh tế mới, chức năng kinh tế của nhà nước ta nhằm vào việc giải quyết các nhiệm vụ quan trọng sau đây :

- Tạo lập, đảm bảo sự ổn định và bầu không khí xã hội lành mạnh để giải phóng tất cả các tiềm năng phát triển kinh tế của đất nước, khắc phục các hậu quả do cuộc khủng hoảng của cơ chế kinh tế cũ và kiên quyết chuyển toàn bộ nền kinh tế quốc dân sang cơ chế thị trường có sự

điều tiết của nhà nước.

- Xây dựng và đảm bảo các điều kiện chính trị, xã hội, pháp luật, tổ chức cần thiết cho sự bình đẳng và khả năng phát triển có hiệu quả của tất cả các thành phần kinh tế trong nền kinh tế quốc dân.

- củng cố phát triển các hình thức sở hữu với phương châm bảo đảm vai trò chủ đạo của sở hữu quốc doanh và tập thể, trên cơ sở đó tạo điều kiện phát

triển lực lượng sản xuất, áp dụng các tiến bộ của khoa học và công nghệ vào sản xuất.

- Tạo lập các tiền đề cần thiết và đảm bảo các điều kiện thuận lợi để các đơn vị kinh tế thuộc mọi thành phần kinh tế vươn tới các thị trường ngoài nước và tham gia tích cực có hiệu quả vào sự hợp tác kinh tế quốc tế.

Để thực hiện được các nhiệm vụ quan trọng đối với các nhu cầu phát triển của nền kinh tế, nhà nước ta đã và đang từng bước đổi mới hoạt động của mình trên lĩnh vực lãnh đạo và điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô. Sự điều tiết vĩ mô của nhà nước đảm bảo cho các đơn vị kinh tế một khả năng độc lập tự giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh, tự chịu trách nhiệm về lỗ, lãi trước cơ chế thị trường và theo luật pháp. Mặt khác nó đảm bảo cho nhà nước khả năng kiểm tra, giám sát đối với toàn bộ quá trình phát triển của kinh tế, chủ động đưa ra kịp thời các giải pháp cụ thể và cần thiết trong các biến động của đời sống kinh tế.

- Chức năng xã hội

Khi nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường với nhiều thành phần kinh tế, vai trò chức năng xã hội của nhà nước càng trở nên quan trọng. Bởi lẽ, kinh tế thị trường đặt ra nhiều vấn đề như văn hoá, giáo dục, bảo vệ sức khoẻ, công ăn việc làm, người già cô đơn... Những vấn đề này cần được giải quyết trong mối quan hệ mật thiết giữa nhu cầu tăng trưởng của nền kinh tế và các nhu cầu nhân đạo của xã hội. Trách nhiệm giải quyết những vấn đề này chiếm vai trò chủ đạo vẫn là nhà nước. Chức năng xã hội của nhà nước Việt Nam nhìn chung có những điểm chính như sau:

- + Nhà nước xem giáo dục đào tạo và phát triển khoa học công nghệ là quốc sách hàng đầu. Nhà nước phát triển giáo dục nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài. Nhà nước xác định khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Nhà nước xây dựng và thực hiện một chính sách khoa học và công nghệ quốc gia.

- + Nhà nước đầu tư phát triển và thống nhất quản lý sự nghiệp bảo vệ sức khoẻ của nhân dân.

- + Nhà nước tạo mọi điều kiện để mỗi công dân có năng lực lao động được thực hiện quyền làm việc; thông qua các chính sách kinh tế, tài chính và pháp luật lao động nhà nước khuyến khích các cơ sở kinh tế mở rộng sản xuất để có thể thu hút ngày càng nhiều người lao động vào làm việc; nhà nước tích cực quan tâm giải quyết vấn đề thất nghiệp, mở rộng dịch vụ giới thiệu việc làm.

- + Nhà nước xây dựng và thực hiện chính sách thu nhập hợp lý.
- + Có chính sách chăm lo giúp đỡ người về hưu, những đối tượng chính sách để giúp họ giảm bớt những khó khăn về vật chất và tinh thần.
- + Chủ động giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh như người già cô đơn, trẻ em lang thang không nơi nương tựa, các tệ nạn xã hội ...
- Chức năng đảm bảo sự ổn định an ninh – chính trị, bảo vệ các quyền tự do dân chủ của công dân, bảo vệ trật tự an toàn xã hội

Sự phát triển của đất nước trong các điều kiện hiện nay đòi hỏi nhà nước phải ưu tiên áp dụng các biện pháp mạnh mẽ bảo đảm sự ổn định về an ninh chính trị, kiên quyết chống lại mọi ý đồ, hành vi nhằm gây mất ổn định an ninh chính trị cản trở sự nghiệp đổi mới của đất nước, Thực hiện nhiệm vụ này, nhà nước sử dụng toàn bộ sức mạnh bạo lực của mình để phòng ngừa, ngăn chặn mọi âm mưu gây rối, xâm hại đến nền an ninh quốc gia, đến sự ổn định chính trị trong nước, đồng thời kiên quyết trấn áp mọi hành động của các thế lực thù địch, âm mưu chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Hoạt động trấn áp của nhà nước được thực hiện trong những phạm vi, dưới những hình thức và bằng các biện pháp được luật định một cách chặt chẽ. Hoạt động này do vậy không những nhằm hạn chế dân chủ, mà ngược lại là những biện pháp quan trọng để củng cố, bảo vệ và tăng cường các cơ sở dân chủ của đời sống xã hội.

**\* Chức năng đối ngoại**

- Bảo vệ vững chắc tổ quốc XHCN, ngăn ngừa mọi nguy cơ xâm lăng từ các quốc gia bên ngoài.

Để thực hiện được nhiệm vụ này, nhà nước ta chăm lo xây dựng và củng cố khả năng quốc phòng của đất nước. Tiềm năng quốc phòng của đất nước là yếu tố đảm bảo cho quốc gia khả năng phòng thủ hiệu quả và chống trả kịp thời mọi âm mưu xâm lược từ các lực lượng thù địch bên ngoài. Do vậy nhà nước phát huy tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân, giáo dục quốc phòng và an ninh cho toàn dân, thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự, chính sách hậu phương quân đội ; xây dựng công nghiệp quốc phòng. Bảo đảm trang bị cho lực lượng vũ trang, kết hợp kinh tế với quốc phòng, bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ chiến sỹ, công nhân viên quốc phòng, xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh, không ngừng tăng cường khả năng bảo vệ đất nước.



- Thiết lập, củng cố và phát triển các mối quan hệ và sự hợp tác với tất cả các nước có chế độ chính trị – xã hội khác nhau trên nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, bình đẳng và cùng có lợi:

Trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến đổi nhanh chóng và phức tạp, với sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất và xu hướng quốc tế hoá nền kinh tế thế giới, hoạt động đối ngoại của nhà nước ngày càng trở nên đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung. Hiện nay, nhà nước ta thực hiện chính sách mở cửa, quan hệ với tất cả các nước, mở rộng quan hệ kinh tế, chính trị, văn hoá theo các nguyên tắc của pháp luật quốc tế.

- Thiết lập và tăng cường các nỗ lực chung trong cuộc đấu tranh vì một trật tự thế giới mới, vì sự hợp tác bình đẳng và dân chủ, vì hoà bình và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới.

Ngày nay nhà nước ta là thành viên chính thức của nhiều tổ chức quốc tế như Liên hiệp quốc, phong trào không liên kết và rất nhiều tổ chức quốc tế khác. Trên diễn đàn quốc tế hoặc khu vực nhà nước ta luôn tỏ rõ thiện chí và nỗ lực hợp tác để góp phần giải quyết hoà bình nhiều vấn đề quốc tế. Vì vậy, ảnh hưởng và uy tín của nhà nước ta trên trường quốc tế ngày càng được củng cố và tăng cường.

#### ***1.6.1.3. Hệ thống chính trị của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam***

**\* Khái niệm, đặc điểm của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

Trong các quan hệ xã hội tồn tại ở nước ta, quan hệ chính trị giữ vị trí rất quan trọng. Quan hệ chính trị là quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp nhân dân trong xã hội, phản ánh nhu cầu của các giai cấp, các tầng lớp đó. Quan hệ chính trị do các chủ thể nhất định thực hiện. Đó là các chủ thể mang quyền lực, các tổ chức chính trị, các tổ chức xã hội.v.v... Tất cả các tổ chức do các giai cấp, các tầng lớp nhân dân thành lập nên nhằm thực hiện những mục tiêu chính trị hợp thành hệ thống chính trị xã hội.

Hệ thống chính trị của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là tổng thể các thiết chế chính trị tồn tại và hoạt động trong mối liên hệ hữu cơ với nhau nhằm tạo ra một cơ chế thực hiện quyền lực của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hệ thống chính trị của nước ta bao gồm Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các

tổ chức chính trị – xã hội như: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Hệ thống chính trị của nước ta có những đặc điểm cơ bản sau đây

+ Là một hệ thống tổ chức chặt, khoa học trên cơ sở phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức. Tính tổ chức cao của hệ thống chính trị nước ta được bảo đảm bởi các nguyên tắc chỉ đạo thống nhất như tất cả quyền lực thuộc về nhân dân, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, tập trung dân chủ, pháp chế xã hội chủ nghĩa.

+ Có sự thống nhất cao về lợi ích lâu dài cũng như mục tiêu hoạt động. Sự thống nhất đó được quy định bởi sự thống nhất về kinh tế, chính trị, tư tưởng trong xã hội ta dưới sự lãnh đạo của một chính đảng duy nhất. Các thiết chế của hệ chính trị của nước ta tuy có mục tiêu hoạt động cụ thể riêng, có vị trí, chức năng khác nhau nhưng đều nhằm phục vụ cho lợi ích của nhân dân lao động.

\* Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong hệ thống chính trị

Nhà nước là thiết chế trung tâm trong hệ thống chính trị, là biểu hiện tập trung quyền lực của nhân dân và là công cụ hữu hiệu nhất để nhân dân và là công cụ hữu hiệu nhất để nhân dân thực hiện quyền lực chính trị của mình. Vai trò, vị trí đó của Nhà nước là do Nhà nước có những điều kiện sau đây:

- Nhà nước là người đại diện chính thức của mọi giai cấp, mọi tầng lớp trong xã hội. Điều đó cho phép Nhà nước thực hiện triệt để các quyết định, chính sách của mình đối với xã hội.

- Nhà nước là chủ thể của quyền lực chính trị. Nhà nước có một bộ máy chuyên làm chức năng quản lý, có hệ thống lực lượng vũ trang và bộ máy cưỡng chế để duy trì trật tự xã hội mà không một tổ chức nào có được. Nhà nước sử dụng pháp luật trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách, bảo đảm cho các chủ trương, chính sách đó được triển khai rộng rãi và thống nhất trên quy mô toàn xã hội.

- Nhà nước có chủ quyền quốc gia. Đó là quyền tối cao của Nhà nước trong lĩnh vực đối nội và đối ngoại của đất nước. Điều này giúp cho Nhà nước kết hợp các quan hệ trong nước và quan hệ quốc tế một cách thống nhất.

- Nhà nước là chủ sở hữu lớn nhất đối với các tư liệu sản xuất chủ yếu và quan trọng của đất nước. Với tư cách đó, Nhà nước có sức mạnh vật chất để điều tiết vĩ mô nền kinh tế, tạo điều kiện xã hội hoạt động.



### \* Đảng Cộng sản Việt Nam trong hệ thống chính trị

Hệ thống chính trị của mỗi nước đều có các đảng chính trị và các tổ chức xã hội hoạt động nhưng thường có một chính đảng cầm quyền, giữ vai trò lãnh đạo. Hệ thống chính trị nước ta chỉ tồn tại một chính đảng, đó là Đảng Cộng sản Việt Nam-lực lượng lãnh đạo duy nhất đối với nhà nước và xã hội. Đây là điều khác biệt với hệ thống chính trị của nhiều nước trên thế giới, nơi tồn tại chế độ đa đảng. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định đối với sự phát triển của hệ thống chính trị, là hạt nhân bảo đảm sự thống nhất của hệ thống đó. Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là một tất yếu lịch sử do:

- Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng chính trị tiên tiến nhất được vũ trang bằng lý luận khoa học của Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Với những trí thức khoa học đó, Đảng đề ra những đường lối, chính sách phát triển xã hội phù hợp với quy luật và có đầy đủ khả năng để tổ chức thực hiện thành công đường lối, chính sách đó.

- Bằng thực tiễn đấu tranh kiên cường trong gần ba phần tư thế kỷ qua, với những hy sinh và những cống hiến lớn lao cho dân tộc, Đảng ta đã củng cố được lòng tin của tuyệt đại đa số nhân dân. Do đó, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị có cơ sở vững chắc về tình cảm và tinh thần mà các tổ chức khác không thể nào có được .

Là một chính đảng kiên trì đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có uy tín quốc tế lớn và được sự đoàn kết, giúp đỡ của các quốc gia và dân tộc trên thế giới. Điều đó có tác dụng quan trọng trong việc khẳng định vai trò của Đảng đối với hệ thống chính trị nước ta.

Đảng Cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối hệ thống chính trị. Sự lãnh đạo của Đảng thể hiện ở các hình thức chủ yếu sau đây:

- + Định ra chiến lược, mục tiêu cơ bản, đường lối chính sách phát triển xã hội, làm cơ sở định hướng cho các hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị;

- + Bồi dưỡng cán bộ có phẩm chất, đạo đức và năng lực để giới thiệu vào các cương vị quan trọng của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội.

+ Đảng tiến hành kiểm tra hoạt động của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện

đường lối, chính sách của Đảng. Thông qua công tác kiểm tra mà phát hiện những thiếu sót, khuyết điểm trong quản lý nhà nước để đề ra các biện pháp khắc phục.

+ Cán bộ, đảng viên và các tổ chức Đảng gương mẫu trong việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đây là hình thức hữu hiệu để bảo đảm cho cán bộ, công chức nhà nước thực hiện tốt chức trách của mình trong quản lý nhà nước.

Đảng thực hiện sự lãnh đạo đối với Nhà nước bằng phương pháp giáo dục, thuyết phục. Thông qua phương pháp đó, Đảng tạo cho cán bộ, công chức nhận thức đúng đắn và thực hiện đầy đủ đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

\* Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội trong hệ thống chính trị

Trong hệ thống chính trị nước ta, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Tổ chức chính trị-xã hội có vị trí rất quan trọng.

Là tổ chức liên minh chính trị tự nguyện của các tổ chức và cá nhân tiêu biểu trong xã hội, "...Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài." (Điều 1 Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam do Quốc hội thông qua ngày 09/06/2015).

Các tổ chức chính trị-xã hội khác như Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam là những tổ chức tập hợp rộng rãi những thành viên trên cơ sở sự đồng nhất về những phương diện nhất định ( giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp.v.v...) có vai trò quan trọng trong việc tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, giáo dục các thành viên của tổ chức mình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong mối quan hệ giữa các tổ chức chính trị-xã hội với Nhà nước thì các tổ chức chính trị-xã hội là chỗ dựa của Nhà nước, là "cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân" ( Điều 9 Hiến pháp năm 2013). Nhà nước phải tạo cơ sở pháp

lý, điều kiện tài chính v.v... cho các tổ chức chính trị- xã hội hoạt động, định ra những hình thức và phương pháp để các tổ chức chính trị-xã hội tham gia quản lý nhà nước. Về phía mình, các tổ chức chính trị-xã hội phải giáo dục thành viên của tổ chức mình nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, tham gia vào các lĩnh vực xây dựng và hoạt động của bộ máy nhà nước, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, của cán bộ và công chức nhà nước.

#### *1.6.1.4. Vấn đề nhà nước pháp quyền ở Việt Nam*

Nhà nước là một hiện tượng thuộc kiến trúc thượng tầng của xã hội, chịu sự quy định của cơ sở kinh tế xã hội và sự tác động qua lại của các bộ phận khác thuộc kiến trúc thượng tầng mà trước hết là chính trị, nhà nước luôn vận động và phát triển.

Quá trình đổi mới toàn diện đất nước mà trọng tâm là đổi mới kinh tế theo đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam đang diễn ra sôi động, nền kinh tế nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước từng bước hình thành, thực hiện đường lối đối ngoại mở cửa và yêu cầu dân chủ hóa đời sống xã hội đòi hỏi phải xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. Xây dựng nhà nước pháp quyền là một khâu trọng yếu trong đổi mới hệ thống chính trị, là đòi hỏi bức thiết của sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay. Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta không phải là quay lưng lại với quá khứ nửa thế kỷ tồn tại và phát triển của chính quyền nhân dân để xây dựng lại bộ máy nhà nước theo đường hướng khác mà là tiếp tục phát huy những thành tựu ưu điểm của nhà nước ta, khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã phạm phải. Đó cũng là sự kế thừa và vận dụng học thuyết Mác - Lênin về nhà nước và pháp luật vào điều kiện mới của đất nước, vận dụng những tinh hoa tư tưởng của nhân loại về nhà nước, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tư tưởng về nhà nước pháp quyền đã xuất hiện từ lâu, được bổ sung và hoàn thiện qua quá trình phát triển lâu dài của lịch sử tư tưởng về nhà nước và pháp luật. Ngày nay, dựa trên các kết quả nghiên cứu đã được công bố có thể nêu ra *những đặc điểm cơ bản của nhà nước pháp quyền như sau*:

- Có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, phản ánh đúng yêu cầu khách quan của quản lý nhà nước và quản lý xã hội. Các đạo luật phải có vai trò tối thượng trong hệ thống pháp luật Nhà nước và các thiết chế của nó phải được xác định rõ ràng về mặt pháp luật, tất cả các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, viên chức và công dân phải tuân thủ nghiêm chỉnh và triệt để pháp luật.

- Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, công dân có trách nhiệm đối với nhà nước và nhà nước cũng có trách nhiệm đối với công dân. Quan hệ giữa công dân và nhà nước là quan hệ bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.

- Là một tổ chức thực hiện công quyền dựa trên nền tảng pháp luật vững chắc, các quyền tự do, dân chủ, các lợi ích chính đáng của con người phải được pháp luật bảo đảm và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân do bất kỳ cơ

quan nhà nước, người có chức quyền hay công dân nào thực hiện đều phải bị phát hiện và nghiêm trị.

- Quyền lực nhà nước về lập pháp, hành pháp, tư pháp được phân định rõ ràng, hợp lý cho ba hệ thống các cơ quan nhà nước tương ứng trong một cơ chế kiểm tra, giám sát và chế ước nhau tạo thành cơ chế đồng bộ bảo đảm sự thống nhất của quyền lực nhà nước, nhân dân thực sự là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước.

Như vậy *Nhà nước pháp quyền là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, tất cả quyền lực nhà nước thực sự thuộc về nhân dân, pháp luật có tính pháp lý và công bằng, thể hiện đầy đủ các giá trị cao cả của xã hội và của con người, pháp luật phải giữ vai trò chủ đạo trong mọi hoạt động, trong xử sự của các chủ thể và toàn xã hội.*

Xây dựng nhà nước pháp quyền là một quá trình lâu dài, vì vậy phải tiến hành từng bước theo một định hướng nhất quán, dựa trên những căn cứ và quan điểm khoa học.

## **1.2 Những vấn đề cơ bản về pháp luật**

### **1.2.1. Nguồn gốc, bản chất và các thuộc tính của pháp luật**

#### **1.2.1.1. Nguồn gốc của pháp luật**

Theo học thuyết Mác-Lênin, nhà nước và pháp luật là hai hiện tượng lịch sử cơ bản nhất của đời sống chính trị xã hội, là hai người bạn đồng hành có số phận lịch sử như nhau : cùng xuất hiện, cùng tồn tại và phát triển và cùng tiêu vong khi nhân loại đã tiến tới chủ nghĩa cộng sản.

Những nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của nhà nước cũng chính là những nguyên nhân làm xuất hiện pháp luật : một là sự phát triển của nền kinh tế trong xã hội nguyên thủy từ chỗ vô cùng thấp kém, lạc hậu và chế độ sở hữu chung đến chỗ dần dần có của cải dư thừa và xuất hiện chế độ chiếm hữu tư nhân (tư hữu) về tư liệu sản xuất và của cải làm ra; hai là, sự phân hóa xã hội thành những tầng lớp, giai cấp có lợi ích đối kháng nhau và mâu thuẫn giai cấp, đấu tranh giai cấp phát triển đến mức không thể điều hòa được.

\* Khái niệm Pháp luật: là hệ thống các quy phạm (quy tắc hành vi hay quy tắc xử sự) có tính bắt buộc chung nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận thể hiện ý chí nhà nước và được nhà nước bảo đảm thực hiện bằng các biện pháp khác nhau. Pháp luật là công cụ để thực hiện quyền lực nhà nước và là cơ sở pháp lý cho đời sống xã hội có nhà nước.

#### **1.2.1.2 .Bản chất của pháp luật**

Cũng giống như bản chất của nhà nước, bản chất của pháp luật thể hiện trước hết ở tính giai cấp. Tính giai cấp của pháp luật phản ánh ý chí nhà nước của giai cấp thống trị trong xã hội, nội dung ý chí đó được quy định bởi điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp thống trị. Ý chí của giai cấp thống trị được cụ thể hóa trong các văn bản pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Tính giai cấp của pháp luật còn thể hiện ở mục đích điều chỉnh các quan hệ xã hội, pháp luật là yếu tố điều chỉnh về mặt giai cấp các quan hệ xã hội nhằm định hướng cho các quan hệ xã hội phát triển theo một mục tiêu, một trật tự phù hợp với ý chí của giai cấp thống trị, bảo vệ và củng cố địa vị của giai cấp thống trị. Với ý nghĩa đó pháp luật chính là công cụ thể hiện sự thống trị của giai cấp.

**Ví dụ : Pháp luật chủ nô là pháp luật của giai cấp chủ nô do giai cấp này đặt ra trước hết là vì lợi ích của nó. Pháp luật chủ nô quy định công khai quyền lực vô hạn của chủ nô và tình trạng vô quyền của giai cấp nô lệ.**

Bên cạnh tính giai cấp, không thể coi nhẹ giá trị xã hội to lớn của pháp luật vì trong cuộc sống hàng ngày các cá nhân và tổ chức có mối quan hệ với nhau rất đa dạng được thể hiện qua những hành vi xử sự khác nhau. Xã hội thông qua nhà nước ghi nhận những cách xử sự hợp lý, khách quan được số đông chấp nhận phù hợp với lợi ích của số đông trong xã hội, cách xử sự này được nhà nước thể chế hóa thành những quy phạm pháp luật. Giá trị xã hội của pháp luật còn được thể hiện ở chỗ một quy phạm pháp luật vừa là thước đo của hành vi con người vừa là công cụ kiểm nghiệm các quá trình, các hiện tượng xã hội, là công cụ để nhận thức xã hội và điều chỉnh các quá trình xã hội.

Ngoài ra pháp luật còn có tính dân tộc, tính mở .

Pháp luật được người dân chấp nhận là của mình thì nó phải được xây dựng trên nền tảng dân tộc, thấm nhuần tính dân tộc. Nó phải phản ánh được những phong tục, tập quán, đặc điểm lịch sử, điều kiện địa lý và trình độ văn minh, văn hoá các dân tộc.

Pháp luật phải là hệ thống pháp luật mở, sẵn sàng tiếp nhận những thành tựu của nền văn minh, văn hoá pháp lý của nhân loại để làm giàu cho mình.

#### *1.2.1.3. Các thuộc tính của pháp luật*

Thuộc tính của pháp luật là những tính chất, dấu hiệu riêng biệt đặc trưng của pháp luật. Pháp luật có các thuộc tính sau

- Tính quy phạm phổ biến (tính bắt buộc chung)

Pháp luật có đối tượng điều chỉnh rộng hơn các quy phạm xã hội khác, pháp luật lại là khuôn mẫu xử sự cho các hành vi nên nó có tính bắt buộc với tất cả mọi người. Điều này tạo nên hiệu lực lớn của pháp luật trong quản lý xã hội. Các quy phạm pháp luật được áp dụng nhiều lần trong không gian và thời gian, tính phổ biến của pháp luật dựa trên ý chí của nhà nước “ *được đề lên thành luật* ”, pháp luật làm cho ý chí này có tính chất chủ quyền duy nhất trong một quốc gia.

- Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

Là sự thể hiện nội dung pháp luật trong những hình thức nhất định, nội dung của pháp luật phải được xác định rõ ràng, chặt chẽ điều này nhằm bảo đảm nguyên tắc “ *bất cứ ai được đặt vào những điều kiện ấy cũng không thể làm khác được*” .

Nội dung của pháp luật phải được quy định rõ ràng, chặt chẽ, khái quát trong các khoản của mọi điều luật, trong các điều luật, trong một văn bản pháp luật và toàn bộ hệ thống

pháp luật nói chung. Nếu các quy phạm pháp luật quy định không đủ, không rõ, không chính xác thì sẽ tạo ra những kẽ hở cho sự chuyên quyền, lạm dụng, những hành vi vi phạm pháp luật như tham ô, lãng phí, phá hoại ... Như vậy nội dung của pháp luật phải được biểu hiện bằng ngôn ngữ pháp luật rõ ràng, chính xác dưới hình thức nhất định của pháp luật.

- Tính được đảm bảo bằng nhà nước

Khác với các quan hệ xã hội khác pháp luật do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận vì vậy được nhà nước bảo đảm thực hiện, điều đó có nghĩa là nhà nước đã trao cho các quy phạm pháp luật tính quyền lực bắt buộc đối với mọi cơ quan, tổ chức và công dân. Pháp luật đã trở thành quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung.

Tùy theo các mức độ mà nhà nước áp dụng các biện pháp khác nhau như tổ chức, khuyến khích kể cả biện pháp cưỡng chế cần thiết để đảm bảo cho pháp luật được thực hiện đúng.

### ***1.2.2 Các chức năng của pháp luật***

Ý nghĩa và vai trò của pháp luật thể hiện qua những chức năng của pháp luật. Chức năng của pháp luật là những phương diện, mặt tác động chủ yếu của pháp luật, phản ánh bản chất giai cấp và giá trị xã hội của pháp luật.

#### ***\* Chức năng điều chỉnh của pháp luật***

Là sự tác động trực tiếp của pháp luật tới các quan hệ xã hội cơ bản, quan trọng và tạo lập hành lang pháp lý để hướng các quan hệ xã hội phát triển trong trật tự và ổn định theo mục tiêu mong muốn. Đây là hướng tác động tích cực, là chức năng cơ bản của pháp luật.

Vai trò và giá trị xã hội của pháp luật thể hiện ở chức năng điều chỉnh các quan hệ xã hội của pháp luật. Sự điều chỉnh của pháp luật đối với các quan hệ xã hội được thực hiện theo hai hướng chính

- Một mặt, pháp luật vừa làm nhiệm vụ "trật tự hoá" các quan hệ xã hội, đưa chúng vào những phạm vi, khuôn mẫu nhất định.
- Mặt khác tạo điều kiện cho các quan hệ xã hội phát triển theo chiều hướng nhất định phù hợp với ý chí của giai cấp thống trị, phù hợp với quy luật vận động khách quan của các quan hệ xã hội.

Chức năng điều chỉnh của pháp luật được thông qua các hình thức quy định, cho phép, ngăn cấm, quy định quyền và nghĩa vụ qua lại giữa các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật.

#### ***\* Chức năng bảo vệ của pháp luật***

Chức năng này thể hiện ở việc quy định những phương tiện nhằm mục đích bảo vệ các quan hệ xã hội là cơ sở, nền tảng của xã hội trước các vi phạm. Khi có hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm tới các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh thì sẽ bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế trong phần chế tài của quy phạm pháp luật.

#### ***\* Chức năng giáo dục của pháp luật***

Chức năng này được thực hiện thông qua sự tác động của pháp luật vào ý thức con người, làm cho con người hành động phù hợp với cách xử sự ghi trong quy phạm pháp luật. Cách xử sự được quy định trong pháp luật là cách xử sự phổ biến đã được lựa chọn phù hợp



với sự phát triển của xã hội. Nhận thức này hướng con người đến những hành vi, những cách xử sự phù hợp với lợi ích của xã hội, nhà nước, tập thể và của bản thân.

### ***1.2.3 Các kiểu pháp luật***

- Pháp luật chủ nô.

Cũng như nhà nước chủ nô, pháp luật chủ nô được xây dựng trên nền tảng kinh tế - xã hội, là chế độ sở hữu tư nhân tuyệt đối của giai cấp chủ nô đối với mọi tư liệu sản xuất và của cải làm ra, sự bóc lột và đàn áp dã man của chủ nô đối với nô lệ - lực lượng lao động chủ yếu của xã hội.

Tính giai cấp của pháp luật chủ nô thể hiện rõ rệt ở chỗ đó là pháp luật thể hiện ý chí của giai cấp chủ nô. Do đó, pháp luật chủ nô có những đặc điểm chủ yếu là

- + Công khai bảo vệ và củng cố quyền tư hữu của chủ nô đối với tư liệu sản xuất và nô lệ; hợp pháp hoá chế độ bóc lột tàn nhẫn và trắng trợn đối với nô lệ và tình trạng vô quyền của nô lệ. Nô lệ chỉ được coi như là "công cụ biết nói";

- + Bảo vệ ách thống trị về chính trị và tư tưởng của giai cấp chủ nô, tổ chức và bảo vệ quyền lực nhà nước của giai cấp chủ nô, hợp pháp hoá sự đàn áp công khai của chủ nô đối với nô lệ;

- + Quy định và củng cố tình trạng bất bình đẳng trong xã hội; giữa chủ nô và các tầng lớp, giai cấp khác; giữa đàn ông và phụ nữ,...

- + Quy định và củng cố sự thống trị tuyệt đối của người gia trưởng trong quan hệ gia đình;

- + Về hình thức mang nặng dấu ấn của quy phạm xã hội của chế độ thị tộc - bộ lạc. Đó là tản mạn, chủ yếu sử dụng tập quán pháp và tiền lệ pháp. Văn bản pháp luật xuất hiện muộn và chủ yếu là những bộ luật tổng hợp mọi lĩnh vực mà mọi chế tài đều mang tính chất hình sự; nội dung của pháp luật lạc hậu, mang đậm màu sắc tôn giáo.

- Pháp luật phong kiến.

Đây là kiểu pháp luật thứ hai trong lịch sử nhân loại và hình thành cùng với sự ra đời của nhà nước phong kiến. Do tính phụ thuộc của pháp luật vào cơ sở kinh tế - xã hội của chế độ phong kiến nên pháp luật phong kiến là ý chí của giai cấp địa chủ phong kiến được đề lên thành luật mà nội dung của ý chí đó được quy định bởi điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp phong kiến.

Bản chất của pháp luật phong kiến thể hiện rõ ở những đặc điểm sau

- + Bảo vệ chế độ tư hữu của giai cấp phong kiến đối với đất đai và chế độ bóc lột địa tô, bảo vệ ách thống trị về chính trị và tư tưởng của giai cấp phong kiến;

- + Bảo vệ chế độ đẳng cấp và đặc quyền của giai cấp phong kiến;

- + Hợp pháp hoá bạo lực và sự chuyên quyền tùy tiện của giai cấp phong kiến. Là "pháp luật quả đấm" - thừa nhận bạo lực là phương tiện bảo vệ lợi ích và giải quyết mọi tranh chấp trong xã hội;

- + Quy định những hình phạt tàn bạo đối với những hành vi xâm phạm đến trật tự xã hội phong kiến;

- + Chịu ảnh hưởng lớn của tôn giáo và đạo đức phong kiến;

+ Là pháp luật tản mạn, không có tính thống nhất cao; tập quán pháp và tiền lệ pháp vẫn đóng vai trò chủ yếu; văn bản pháp luật xuất hiện muộn và cũng thường là những bộ luật có nội dung tổng hợp mà chế tài đều mang tính chất hình sự.

Tuy nhiên, pháp luật phong kiến cũng đóng vai trò quan trọng trong việc xác lập, ghi nhận và phát triển hệ thống quan hệ xã hội mới của hình thái kinh tế - xã hội mới tiến bộ hơn so với pháp luật chủ nô, thúc đẩy xã hội phát triển.

#### - Pháp luật tư sản

Là tấm gương phản ánh cơ sở kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa, pháp luật tư sản thể hiện ý chí của giai cấp tư sản. Pháp luật tư sản, cả về nội dung và hình thức, đã đánh dấu một bước phát triển tiến bộ vượt bậc của lịch sử nhân loại, ghi nhận kết quả của một cuộc cách mạng lớn về các lĩnh vực tư tưởng tinh thần, về giá trị dân chủ, nhân văn, nhân đạo, quyề con người, về khả năng bảo đảm trật tự, ổn định xã hội, thúc đẩy xã hội phát triển với tốc độ nhanh hơn.

Bản chất của pháp luật tư sản thể hiện ở những đặc điểm sau

+ Pháp luật tư sản bảo vệ chế độ tư hữu tư sản và chế độ bóc lột lao động làm thuê (bóc lột giá trị thặng dư), ghi nhận và bảo vệ sự thống trị về chính trị và tư tưởng của giai cấp tư sản;

+ Lần đầu tiên xuất hiện khái niệm "công dân" trong pháp luật và tuyên bố, quy định các quyền tự do dân chủ, rộng rãi của công dân trong tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội, tự do cá nhân;

+ Tuyên bố nguyên tắc "tự do hợp đồng". Chế định hợp đồng rất phát triển, lần đầu tiên xuất hiện chế định hợp đồng lao động. Cùng với chế định công dân tạo nên bộ khung pháp lý cho xã hội dân sự, giải phóng con người, giải phóng lao động;

+ Nguyên tắc pháp chế lần đầu tiên được thể hiện trong pháp luật tư sản và đây là một điều tiến bộ, mới mẻ vì pháp chế là yêu cầu mọi công dân, cơ quan, tổ chức phải tuân thủ một cách nghiêm minh, thống nhất pháp luật. Tuy vậy, do bản chất giai cấp, pháp chế tư sản không bền vững, có thời kỳ bị khủng hoảng, bị phá vỡ;

+ Về hình thức, văn bản pháp luật tư sản rất phát triển cả về nội dung và kỹ thuật lập pháp, phạm vi điều chỉnh rộng và điều chỉnh tương đối đầy đủ, chi tiết các quan hệ xã hội. Hiến pháp với tư cách là văn bản pháp luật cơ bản, đạo luật gốc của nhà nước lần đầu tiên xuấ hiện từ giai đoạn đầu của nhà nước tư sản.

#### - Pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Đây là kiểu pháp luật mới, nội dung của nó hoàn toàn phủ nhận chế độ bóc lột, hạn chế và dần đi tới xoá bỏ chế độ tư hữu, xác lập và ngày càng phát triển quan hệ bình đẳng, tự do, dân chủ, bác ái thật sự, những quan hệ hoàn toàn mới giữa con người với con người.

### ***1.2.4 Nguồn gốc, bản chất và vai trò của pháp luật Việt Nam***

#### *1.2.4.1. Nguồn gốc, bản chất của pháp luật Việt Nam*

Cũng như mọi Nhà nước khác, bản chất, đặc điểm pháp luật của Nhà nước ta phù hợp với bản chất, đặc điểm của Nhà nước, do bản chất, đặc điểm và những nhiệm vụ của Nhà nước ta trong từng thời kỳ cách mạng quyết định.



Điều 2 Hiến pháp 2013 xác định: “*Nhà nước công hòa XHCN Việt Nam là nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân...Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam do nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức...*” Nhà nước đó đặt dưới sự lãnh đạo của “*Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh*”<sup>1</sup>.

Vì lẽ đó, pháp luật của Nhà nước ta về bản chất là pháp luật xã hội chủ nghĩa, nó thể hiện ý chí của giai cấp công nhân, đồng thời phản ánh, thể hiện ý chí, lợi ích của các tầng lớp nhân dân lao động khác và của cả dân tộc. Có sự thống nhất đó là do trong xã hội ta hiện nay có sự thống nhất về cơ bản, lâu dài giữa lợi ích của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức với lợi ích của cả dân tộc. Đó là mục đích “*Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện*”<sup>2</sup>.

Nói pháp luật thể hiện ý chí và lợi ích của toàn thể nhân dân lao động không có nghĩa là phủ nhận tính giai cấp của pháp luật của Nhà nước ta, đối với đường lối, chính sách của Đảng của giai cấp công nhân. Vấn đề là ở chỗ, khi pháp luật phản ánh, bảo vệ lợi ích của các giai cấp, của dân tộc phải đứng trên những quan điểm, thể hiện trong chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó là một nguyên tắc hàng đầu của pháp luật nước ta trong giai đoạn hiện nay. Trong nền kinh tế nhiều thành phần, đương nhiên còn tồn tại các lợi ích khác nhau của các giai cấp, các tầng lớp xã hội. Pháp luật cũng đương nhiên phải bảo vệ, phản ánh tất cả những lợi ích chính đáng đó, nhưng phải phù hợp với định hướng phát triển của nền kinh tế nhiều thành phần phù hợp với quan điểm của Đảng và Nhà nước ta.

Sự kết hợp chặt chẽ giữa tính giai cấp sâu sắc và tính nhân dân rộng rãi là một đặc điểm đáng chú ý của pháp luật Nhà nước ta hiện nay.

#### *1.2.4.2. Vai trò của pháp luật Việt Nam*

---

<sup>1</sup> Điều 4, Hiến pháp Việt nam, 2013

<sup>2</sup> Điều 3, Hiến pháp Việt nam, 2013

Với mục tiêu xây dựng một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, pháp luật ở nước ta hiện nay có vai trò đặc biệt quan trọng, nó được thể hiện như sau:

+ Pháp luật là công cụ thực hiện đường lối chính sách của Đảng.

Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định đảm bảo thắng lợi của cách mạng nước ta trong công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước trước đây cũng như trong công cuộc đổi mới và tiến lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay. Đảng lãnh đạo trước hết và chủ yếu bằng cách Đảng vạch ra đường lối, chính sách cho mỗi giai đoạn phát triển của cách mạng trên cơ sở phân tích khoa học tình hình thực tế, vận dụng sáng tạo các nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn Việt Nam. Chính vì thế để thực hiện sự lãnh đạo của Đảng, vấn đề có ý nghĩa quyết định là phải có những phương pháp thích hợp và khoa học làm cho đường lối, chính sách của Đảng đi vào thực tế đời sống, biến thành ý chí, nguyện vọng, thành hành động của Đảng mà là của toàn thể nhân dân, của toàn xã hội. Ngày nay Đảng cầm quyền, trở thành lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội thì việc thể hiện cũng như tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng trước hết và chủ yếu phải bằng Nhà nước và thông qua Nhà nước. Đường lối, chính sách của Đảng phải được thể chế hóa, trở thành pháp luật Nhà nước. Mặt khác, bằng việc thể chế hóa thành pháp luật, đường lối chủ trương chính sách của Đảng biến thành những quyết định quản lý mang tính quyền lực nhà nước, trở thành các quyền và nghĩa vụ pháp lý cụ thể của cá nhân, tổ chức được thực hiện một cách trực tiếp, chính xác, thống nhất trong cả nước, trong từng ngành, từng địa phương, từng đơn vị cơ sở.

+ Pháp luật là công cụ thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động

“Nhà nước bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ về mọi mặt của nhân dân...”<sup>3</sup> Đó là vấn đề thuộc bản chất của Nhà nước ta, cụ thể đó tính nhân dân của nhà nước.

Pháp luật phải quy định cụ thể, bảo đảm đầy đủ, thực tế nguyên tắc: mọi quyền lực trong nước đều thuộc về nhân dân. Nhân dân phải là người thực sự xây dựng nên Nhà nước của mình, tham gia vào các công việc Nhà nước, kiểm tra sự hoạt động của các cơ quan nhà nước. Pháp luật cũng phải quy định rõ nghĩa vụ trung thành và phục vụ nhân dân một cách tận tụy của các cơ quan nhà nước và cán bộ công chức nhà nước trong việc thực hành công vụ; chống thái độ vô trách nhiệm, hách dịch, cửa quyền, bài trừ nạn quan liêu, tham nhũng, ngăn

---

<sup>3</sup> Điều 3, Hiến pháp Việt nam, 2013

ngừa tình trạng một số cán bộ công chức nhà nước biến thành lớp người đặc quyền, đặc lợi.

Mặt khác mỗi công dân khi thực hiện quyền làm chủ, thực hiện các quyền tự do, dân chủ của mình không được làm tổn hại đến lợi ích chung của xã hội, lợi ích và các quyền tự do, dân chủ của công dân khác. Vì vậy, lẽ tự nhiên việc thực thi quyền tự do, dân chủ phải có pháp luật, trong khuôn khổ pháp luật. Pháp luật phải có đủ để bảo đảm thực hiện phương châm công dân được tự do làm những gì mà pháp luật không cấm. Pháp luật phải ghi rõ quyền và nghĩa vụ của công dân, đòi hỏi mỗi công dân phải có thái độ chăm lo đến lợi ích chung của tập thể, của xã hội, làm tròn nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước, với Tổ quốc. Đối với những người không tự giác tuân thủ pháp luật thì phải áp dụng những biện pháp cưỡng chế, bất cứ ai vi phạm cũng phải bị xử lý thích đáng theo đúng pháp luật.

+ Pháp luật là công cụ quản lý của Nhà nước

Như trên đã phân tích, pháp luật do nhà nước đặt ra và bảo vệ.. Nhưng mặt khác cũng phải thấy rằng, nhà nước nào cũng cần phải có pháp luật để thực hiện vai trò quản lý của mình đối với xã hội. Nhà nước cai trị, quản lý xã hội có thể sử dụng nhiều công cụ, biện pháp khác nhau. Nhưng công cụ có hiệu lực và đặc trưng nhất của nhà nước vẫn là pháp luật. Có thể nói, người ta không thể quan niệm được có một sự quản lý, cai trị của Nhà nước mà lại không có pháp luật.

Nhà nước sử dụng pháp luật không chỉ nhằm trừng trị, trấn áp, cưỡng chế, giữ cho xã hội trong vòng trật tự có lợi cho giai cấp thống trị mà còn là công cụ quan trọng để cải tạo các quan hệ xã hội cũ, lối sống cũ, tổ chức xây dựng và điều hành mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, mở đường cho các quan hệ xã hội mới phát triển phù hợp với quy luật kinh tế khách quan.

Vì vậy, ngày nay pháp luật của Nhà nước ta không chỉ bó hẹp ở chức năng cưỡng chế, trừng trị mà điều quan trọng nó còn là công cụ hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy, điều chỉnh sự phát triển của xã hội, đặc biệt trong sự phát triển của nền kinh tế đất nước. Nói cách khác, pháp luật còn tạo môi trường cho các quan hệ kinh tế mới phát triển.

Với ý nghĩa đó, pháp luật của Nhà nước ta hiện nay có vai trò vô cùng quan trọng trong việc “phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ

nghĩa.”<sup>4</sup>. Để đáp ứng yêu cầu đó, pháp luật phải tạo nên một môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động tự do kinh doanh phát triển tạo cho mọi người công dân có nhiều cơ hội khác nhau để làm ăn, sinh sống, kinh doanh theo pháp luật, bảo vệ các quyền sở hữu hợp pháp, các nguồn thu thập hợp pháp. Mặt khác, pháp luật cũng tạo cơ sở để Nhà nước có thể thực hiện được vai trò người điều hành nền kinh tế thị trường, hướng nó phát triển theo các mục tiêu đã định, khắc phục, hạn chế những mặt trái vốn có của nền kinh tế thị trường. Pháp luật cũng phải là công cụ để Nhà nước kiểm soát các hoạt động kinh doanh, trừng trị mọi hành vi kinh doanh phi pháp, thực hiện sự công bằng trong sản xuất, phân phối.

Một vai trò quan trọng khác của pháp luật trong quản lý nhà nước là nó xác lập, củng cố và hoàn thiện những cơ sở pháp lý của quản lý nhà nước, đặc biệt là quản lý nhà nước về kinh tế, nhằm phát huy cao nhất hiệu lực của tất cả các cơ quan trong bộ máy nhà nước. Muốn vậy, pháp luật phải xác định rõ các nguyên tắc tổ chức và hoạt động, cũng như thẩm quyền của các cơ quan nhà nước và của từng cán bộ, công chức nhà nước. Vì thế, pháp luật hiện nay của Nhà nước ta phải là cơ chế quản lý mới, từ hoạt động lập pháp đến hoạt động hành pháp và tư pháp. Trong đó, trọng tâm trước mắt là cải cách một bước nền hành chính quốc gia như Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (Khóa VII) đã chỉ ra.

Từ sự phân tích ở trên có thể đi đến kết luận là: Nhà nước ta cũng như bất kỳ một nhà nước nào đều phải sử dụng pháp luật như là một công cụ chủ yếu để thực hiện vai trò quản lý của mình và vì vậy, việc quản lý bằng pháp luật cũng là một đặc trưng của việc quản lý nhà nước.

## **CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG 1**

1. Tại sao nói Nhà nước và pháp luật ra đời là “một tất yếu lịch sử”?
2. Phân tích nguồn gốc ra đời của Nhà nước và pháp luật?

---

<sup>4</sup> Điều 51, Hiến pháp Việt nam, 2013

3. Phân tích các dấu hiệu đặc trưng của nhà nước nói chung, của nhà nước Việt Nam nói riêng?
4. Phân tích mối quan hệ giữa nhà nước và pháp luật nói chung, giữa nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng?
5. Làm rõ bản chất của nhà nước Việt Nam và liên hệ thực tế?
6. Làm rõ bản chất của pháp luật Việt Nam và liên hệ thực tế?
7. Các kiểu Nhà nước?
8. Các kiểu pháp luật?
9. Thế nào là Nhà nước pháp quyền?
10. Chức năng của pháp luật nói chung và của pháp luật Việt Nam nói riêng?

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

---

1. Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà nội, 2002, *Giáo trình lý luận về nhà nước và pháp luật*, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà nội
2. Khoa Luật kinh tế, Đại học kinh tế quốc dân Hà nội, 2004, *Giáo trình pháp luật đại cương*, Nhà xuất bản lao động.
3. Tập thể tác giả, 2002, *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Trường Đại học luật Hà nội.
4. TS Lê Minh Toàn, 2014, *Giáo trình pháp luật đại cương*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia.